TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Những ngân hàng nào duy trì lãi suất trên 4%/năm khi gửi tiền 6 tháng?

10:19 26/11/2024

Theo ghi nhận ngày 26/11, với gần 30 ngân hàng trong hệ thống, mức lãi suất tiết kiệm 6 tháng đang dao động từ 4 - 4,7%/năm.

Theo đó, có 13 ngân hàng đang duy trì mức lãi suất huy động trên 4%/năm cho tiền gửi kỳ hạn dưới 6 tháng với mức lãi suất huy động cao nhất là 4,7%/năm.

Đối với lãi suất huy động trực tuyến kỳ hạn dưới 6 tháng, hiện có 15 ngân hàng đang duy trì mức lãi suất huy động trên 4%/năm. Cụ thể hơn, Eximbank và Nam A Bank áp dụng mức lãi suất huy động cao nhất là 4,7%/năm cho kỳ hạn tiền gửi trực tuyến 5 tháng.



Ảnh minh họa.

Nam A Bank cũng là ngân hàng duy nhất niêm yết lãi suất tiền gửi các kỳ hạn từ 1-5 tháng ở mức trên 4%/năm. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1-2 tháng tại đây là 4,5%/năm - mức lãi suất cao thứ hai trên thị trường đối với tiền gửi có kỳ hạn

dưới 6 tháng.

BaoViet Bank cũng đang duy trì mức lãi suất 4,5%/năm với tiền gửi kỳ hạn 5 tháng và 4,4%/năm cho tiền gửi trực tuyến kỳ hạn 4 tháng.

Lãi suất ngân hàng 4,45%/năm đang được Bac A Bank niêm yết cho tiền gửi kỳ hạn 5 tháng và 4,35%/năm niêm yết cho tiền gửi kỳ hạn 4 tháng.

Ngoài ra, ABBank niêm yết lãi suất tiền gửi kỳ hạn 4 tháng là 4,2%/năm và 5 tháng là 4,3%/năm.

Đối với mức lãi suất huy động 4,1%/năm được nhiều ngân hàng áp dụng, gồm: BVBank (kỳ hạn 5 tháng), Oceanbank (kỳ hạn 1-2 tháng), ABBank (kỳ hạn 3 tháng), VietBank (kỳ hạn 3-4 tháng), Dong A Bank (kỳ hạn 3-5 tháng), Viet A Bank (kỳ hạn 4-5 tháng).

Đối với lãi suất ngân hàng 4%/năm, đây là mức lãi suất đang được áp dụng tại: BVBank (kỳ hạn 3 tháng), Viet A Bank (kỳ hạn 3 tháng), CB và MB (kỳ hạn 3-5 tháng), VietBank (kỳ hạn 5 tháng).

Lãi suất huy động trực tuyến kỳ hạn dưới 6 tháng ngày 26/11 (%/năm)					
NGÂN HÀNG	1 THÁNG	2 THÁNG	3 THÁNG	4 THÁNG	5 THÁNG
EXIMBANK	3,9	4	4,3	4,3	4,7
NAM A BANK	4,5	4,5	4,7	4,7	4,7
BAOVIETBANK	3,3	3,6	4,35	4,4	4,5
BAC A BANK	3,95	3,95	4,25	4,35	4,45
NCB	3,9	4,1	4,2	4,3	4,4
OCEANBANK	4,1	4,1	4,4	4,4	4,4
ABBANK	3,2	3,3	4,1	4,2	4,3
BVBANK	3,8	3,85	4	4,05	4,1
DONG A BANK	3,9	3,9	4,1	4,1	4,1
VIET A BANK	3,7	3,9	4	4,1	4,1
CBBANK	3,8	3,8	4	4	4
MB	3,7	3,7	4	4	4
VIETBANK	3,9	3,9	4,1	4,1	4
GPBANK	3,4	3,9	3,92	3,94	3,95
HDBANK	3,85	3,85	3,95	3,95	3,95
MSB	3,9	3,9	3,9	3,9	3,9
SHB	3,5	3,5	3,8	3,8	3,9
VIB	3,6	3,7	3,9	3,9	3,9
LPBANK	3,6	3,6	3,8	3,8	3,8
PVCOMBANK	3,3	3,4	3,6	3,7	3,8
VPBANK	3,5	3,8	3,8	3,8	3,8
TECHCOMBANK	3,35	3,35	3,65	3,65	3,65
SACOMBANK	3,3	3,3	3,6	3,6	3,6
SEABANK	2,95	2,95	3,45	3,45	3,45
AGRIBANK	2,4	2,4	2,9	2,9	2,9
BIDV	2	2	2,3	2,3	2,3
VIETINBANK	2	2	2,3	2,3	2,3
VIETCOMBANK	1,6	1,6	1,9	1,9	1,9
ACB	3,1	3,2	3,5		
IVB	3,8	3,9	4,1		
KIENLONGBANK	3,7	3,7	3,7		
OCB	3,9		4,1		
PGBANK	3,4	3,5	3,8		
SAIGONBANK	3,3		3,6		
TPBANK	3,5		3,8		

Lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng thấp nhất thuộc về nhóm big4 ngân hàng. Theo đó, Vietcombank niêm yết lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1-2 tháng chỉ 1,6%/năm, kỳ hạn 3-5 tháng chỉ 1,9%/năm. VietinBank và BIDV đang niêm yết lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1-2 tháng tại 2%/năm, kỳ hạn 3-5 tháng tại 2,3%/năm. Và Agribank niêm yết lãi suất 2,4%/năm cho tiền gửi kỳ hạn 1-2 tháng và 2,9%/năm cho tiền gửi kỳ hạn 3-5 tháng.

Trong bối cảnh cạnh tranh lãi suất, một số ngân hàng đưa ra các mức lãi suất huy động từ 7-9,5%/năm, nhưng kèm theo điều kiện đặc biệt. PVcomBank hiện dẫn đầu với mức 9,5%/năm cho kỳ hạn 12-13 tháng, áp dụng cho các khoản tiền gửi tại quầy với số dư tối thiểu 2.000 tỷ đồng. HDBank đứng ở vị trí thứ hai, áp dụng mức 8,1%/năm cho kỳ hạn 13 tháng và 7,7%/năm cho kỳ hạn 12

tháng, yêu cầu số dư từ 500 tỷ đồng trở lên.

MSB cũng cạnh tranh với lãi suất 8%/năm cho kỳ hạn 13 tháng và 7%/năm cho kỳ hạn 12 tháng, dành cho các khoản tiền gửi từ 500 tỷ đồng và được mở mới hoặc tự động gia hạn từ năm 2018.

Một số ngân hàng khác, như Bắc Á Bank, Cake by VPBank và OceanBank, duy trì lãi suất trên 6%/năm cho các kỳ hạn dài từ 12 tháng trở lên mà không yêu cầu số tiền gửi tối thiểu lớn. Mức lãi suất này giúp các ngân hàng thu hút nhóm khách hàng đa dạng hơn, tạo sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường huy động vốn.

PV (t/h)